

Bản án số: **368/2025/DS-ST**
Ngày: 25-9-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nguyệt Thu;
Bà Nguyễn Thị Kim Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Phương Anh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 707/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 707/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 980/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Phạm Minh D**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: 396, khu phố 2, phường T1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là khu phố M, phường T, tỉnh Đồng Nai).

Đại diện theo uỷ quyền: Ông **Trần Trung N**, sinh năm 2000.

Địa chỉ liên hệ: 438C, Bùi Trọng Nghĩa, phường T2, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Đặng Minh T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Chung cư X, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai).

(Ông N có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Minh D và người đại diện theo uỷ quyền ông Trần Trung N trình bày:

Do có quan hệ quen biết, ngày 07/4/2023 ông Phạm Minh D có cho ông Đặng Minh T vay số tiền 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là từ ngày 07/4/2023

đến ngày 07/8/2023. Khi vay hai bên thỏa thuận về lãi suất bằng miệng là 2%/1 tháng, tuy nhiên ghi trên hợp đồng là tự thỏa thuận. Hai bên có ký hợp đồng vay tiền cùng ngày tại Văn phòng công chứng Thống Nhất, ngày 25/4/2025, ông Đặng Minh T còn ký cho ông D văn bản xác nhận nợ để xác nhận khoản vay.

Sau khi vay tiền của ông D, ông T đã không thanh toán khoản nợ như đã thỏa thuận, tính đến nay ông T chưa trả cho ông D một khoản tiền nào kể cả gốc và lãi. Ông D đã liên hệ ông T để trả nợ nhiều lần nhưng ông T cố tình né tránh, không trả nợ cho ông D.

Nay ông D yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Minh T phải thanh toán cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay là 2.200.000.000 đồng và số tiền lãi với lãi suất 10%/1 năm kể từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 07/8/2023 đến khi tòa án xét xử vụ án (làm tròn thành 25 tháng) là 458.000.000 đồng (2.200.000.000 đồng x 10%/12 x 25 tháng).

Tổng số tiền ông T phải trả cho ông D là 2.658.000.000 đồng.

**** Theo bản tự khai ngày 21/8/2025, bị đơn ông Đặng Minh T trình bày:***

Ông xác nhận có vay của ông Phạm Minh D 2.200.000.000 đồng theo văn bản xác nhận nợ ngày 25/4/2025 là đúng. Chữ ký, chữ viết trong văn bản này đúng là của ông.

Nay ông D khởi kiện yêu cầu ông trả cho ông D 2.200.000.000 đồng tiền gốc thì ông đồng ý. Về lãi suất, ông chỉ đồng ý trả cho ông D lãi suất 10%/1 năm chứ không đồng ý trả 2%/1 tháng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa phát biểu:

**** Về tố tụng:*** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án được thực hiện đúng quy định pháp luật; Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

**** Về đường lối giải quyết vụ án:***

Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 07/4/2023 ông Đặng Minh T có vay nợ của ông Phạm Minh D số tiền 2.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 04 tháng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền cùng ngày. Tuy nhiên, ông T đã không trả nợ cho ông D như đã cam kết. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T thừa nhận có vay tiền của ông D, ông đồng ý trả cho ông D tiền gốc 2.200.000.000 đồng và lãi suất 10%/1 năm. Việc ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Nguyên đơn trình bày, khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 2%/1 tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ về việc thỏa thuận về lãi suất, bị đơn không đồng ý trả cho nguyên đơn lãi suất 2%/1 tháng mà chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn 10%/1 năm. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền gốc và lãi suất từ khi vi phạm nghĩa vụ đến khi Tòa án xét xử vụ án với mức lãi suất 10%/1 năm là có cơ sở.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Minh T phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Minh D số

tiền gốc là 2.200.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm triệu đồng) và số tiền lãi 10%/năm từ ngày ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ 07/8/2023 đến khi tòa án xét xử vụ án (làm tròn thành 25 tháng) là 458.000.000 đồng (2.200.000.000 đồng x 10%/12 x 25 tháng). Tổng số tiền ông T phải trả cho ông D là 2.658.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Đặng Minh T có địa chỉ cư trú tại Chung cư X, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, tỉnh Đồng Nai). Căn cứ theo điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Ông Trần Trung N có mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Đặng Minh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đặng Minh T.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo Hợp đồng vay tiền ngày 07/4/2023 và giấy nhận nợ ngày 25/4/2023. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Xét yêu cầu của ông Phạm Minh D yêu cầu ông Đặng Minh T phải thanh toán cho ông 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng) tiền gốc.

Hồ sơ vụ án thể hiện, ông Đặng Minh T có vay nợ của ông Phạm Minh D ngày 07/4/2023 với số tiền vay 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 04 tháng, hai bên có lập Hợp đồng vay tiền ngày 07/4/2023 giấy nhận nợ ngày 25/4/2023 để ghi nhận khoản nợ. Tuy nhiên, ông T đã không trả nợ cho ông D như đã cam kết. Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 21/8/2025, ông T thừa nhận có vay tiền ông D và đồng ý trả nợ gốc cho ông D. Việc ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông D. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Đặng Minh T phải trả cho nguyên đơn ông Phạm Minh D số tiền gốc đã vay là 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn.

Theo Hợp đồng vay tiền ngày 07/4/2023 giấy nhận nợ ngày 25/4/2023 ghi nhận về lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận nhưng không ghi nhận thỏa thuận cụ thể bao nhiêu. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất 10%/1 năm, tại bản tự khai ngày 21/8/2025, bị đơn cũng đồng ý thanh toán cho bị đơn lãi suất 10%/1 năm. Xét thấy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015, “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả*

nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định: Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”. Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.” Như vậy nguyên đơn ông Phạm Minh D yêu cầu bị đơn ông Đặng Minh T phải trả cho ông tiền lãi trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất là 10%/năm, tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ 07/8/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

Số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn (từ ngày 07/8/2023 đến ngày 25/9/2025) lần tròn thành 25 tháng là 458.000.000 đồng (2.200.000.000 đồng x 10%/12 x 25 tháng).

Như vậy tổng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 2.648.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.160.000 đồng (72.000.000 đồng + 658.000.000 đồng x 0.2%).

Hoàn trả cho ông Phạm Minh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 203, 205, 207, 227, 228, Điều 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 01/2017 ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Minh D về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Đặng Minh T .

Buộc ông Đặng Minh T phải thanh toán cho ông Phạm Minh D số tiền 2.648.000.000 đồng (hai tỷ sáu trăm bốn mươi tám triệu đồng).

2. Án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.160.000 đồng (tám mươi lăm triệu một trăm sáu mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho ông Phạm Minh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 44.240.000 đồng (bốn mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007591 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Phạm Minh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn ông Đặng Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ; văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

